

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2022.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đinh Ngọc Minh.

Bà Nguyễn Thị Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Huyền T, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Số 143C/5 ấp B, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Số 187/2 ấp B 2, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

(Bà T có mặt. Ông Đ vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình xét xử, bà Trần Thị Huyền T là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Hữu Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Vợ chồng sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hai người sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau, bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Đ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có người con chung tên Nguyễn Hữu Anh K, sinh ngày 14/4/2009, hiện con chung do ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà

yêu cầu giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, để ông Đ được nuôi con chung, bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết không có nợ chung.

*Ông Nguyễn Hữu Đ là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, tại biên bản hòa giải ngày 05/8/2022, ông Đ trình bày: Qua lời trình bày của bà Trần Thị Huyền T về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay bà T xin ly hôn ông không đồng ý, vì con ông còn nhỏ, ông không muốn ly hôn vì sợ ảnh hưởng tâm lý của con ông.*

Về nuôi con chung: Vợ chồng có người con chung tên Nguyễn Hữu Anh K, sinh ngày 14/4/2009, hiện con chung do ông trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông đồng ý tiếp tục nuôi con, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không có nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Trần Thị Huyền T xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu Đ, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết. Ông Nguyễn Hữu Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên cần áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Hữu Đ.

[2] Bà Trần Thị Huyền T và ông Nguyễn Hữu Đ chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào ngày 27/3/2007, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Qua lời khai trình của bà Trần Thị Huyền T và lời trình bày của ông Nguyễn Hữu Đ tại biên bản hòa giải ngày 05/8/2022, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn, hai người không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay, nhưng không hàn gắn đoàn tụ lại được. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với ông Đ. Ông Đ không đồng ý ly hôn, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, không hợp tác giải quyết việc hôn nhân của các đương sự. Xét thấy giữa hai đương sự đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà Trần Thị Huyền Thi được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Đ, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Hai đương sự có với nhau một người con chung tên Nguyễn Hữu Anh K, sinh ngày 14/4/2009, hiện nay con chung do ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T và ông Đ thỏa thuận để ông Đ được tiếp tục giữ nuôi con chung, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của bà T và ông Đ phù hợp với nguyện vọng của con chung hai đương sự nên chấp nhận. Bà T

có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Hai đương sự cam kết không có nợ chung, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Hữu Đ không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Huyền T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Đ.
2. Về nuôi con chung: Khi ly hôn, ông Nguyễn Hữu Đ được giao giữ nuôi con chung tên Nguyễn Hữu Anh K, sinh ngày 14/4/2009, đến tuổi trưởng thành. Bà Trần Thị Huyền T không phải cấp dưỡng nuôi con, được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.
3. Về án phí: Bà Trần Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Cho chuyển số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng sang tiền án phí phải thi hành, theo biên lai thu số 0007789 ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Ngọc Minh- Nguyễn Thị Phương**

**Phạm Văn Thái**